

**HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**



**TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN
MÔN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

ĐỀ TÀI

**Quyết định đổi mới đất nước của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI
là bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam. Sinh viên cần làm gì để
đóng góp cho công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?**

Giảng viên hướng dẫn: Bùi Thị Hồng Thuý

Sinh viên thực hiện: Lương Thị Ngọc Phượng

Mã sinh viên: 23A4050306

Nhóm tín chỉ: 19

Mã đề: 15

Hà Nội, tháng 10 năm 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn	2
NỘI DUNG.....	3
I. Phần lý luận.....	3
1. Bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam trước đổi mới	3
1.1. Giai đoạn 1975-1980	3
1.2. Giai đoạn 1981-1985	4
1.3. Những khó khăn, sai lầm Đảng và Nhà nước mắc phải khi thực hiện các kế hoạch giai đoạn 1976-1985.....	6
2. Đường lối đổi mới của Đại hội VI (12/1986)	7
2.1. Nội dung đường lối đổi mới của Đại hội VI	7
2.2. Kết quả, ý nghĩa của việc thực hiện quyết định đổi mới.....	9
2.2.1. <i>Kết quả</i>	9
2.2.2. <i>Ý nghĩa</i>	9
II. Phần liên hệ thực tiễn	10
1. Liên hệ chung tới thế hệ thanh niên, sinh viên Việt Nam	10
2. Liên hệ bản thân	12
KẾT LUẬN	13
TÀI LIỆU THAM KHẢO	14

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ ngày thành lập Đảng (3/2/1930) đến nay, Việt Nam đã trải qua 13 kỳ Đại hội Đảng toàn quốc. Mỗi kỳ đại hội như một mốc son chói lọi đánh dấu những giai đoạn đặc biệt trong tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của Đảng và cách mạng Việt Nam. Việc tìm hiểu, nghiên cứu về mỗi kỳ đại hội là rất cần thiết bởi trong từng hoàn cảnh, mỗi quyết định, kế hoạch, phương hướng mà Đảng và Nhà nước đưa ra đều có những ý nghĩa riêng, góp phần định hướng để nước ta phát triển như hiện nay. Đặc biệt, Việt Nam bắt kịp được trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, quyết định đổi mới đất nước đưa ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) đóng một vai trò quan trọng, đúng đắn, “như một bước ngoặt lịch sử trong cách mạng Việt Nam”. Công cuộc đổi mới 35 năm nay như một công trình vĩ đại mà Đảng và nhân dân ta đã và đang thực hiện trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: Khẳng định được tính đúng đắn, chứng minh quyết định đổi mới đất nước của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI là bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, nhấn mạnh được tầm quan trọng của đường lối mà Đảng và Nhà nước thực hiện góp phần xây dựng đổi mới đất nước. Nâng cao nhận thức của sinh viên về Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI nói chung và quyết định đổi mới đất nước của Đảng và Nhà nước đề ra nói riêng. Từ đó, liên hệ thực tế, sinh viên cần làm gì để đóng góp cho công cuộc xây dựng đất nước.

Nhiệm vụ: Làm rõ bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam trước đổi mới, nêu lên những khó khăn, sai lầm gặp phải, từ đó trình bày, phân tích nội dung đường lối đổi mới của Đại hội VI cho thấy kết quả và ý nghĩa tác động tới cách mạng Việt Nam. Từ tình hình trước đổi mới tới sau đổi mới, khẳng định, chứng minh đổi mới là quyết định đúng đắn của Đảng và tổng kết, liên hệ tới vai trò, nhiệm vụ của sinh viên đối với đất nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu bối cảnh nền kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn trước đổi mới. Nội dung, kết quả, ý nghĩa của quyết định đổi mới đất nước tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Nhiệm vụ, vai trò của sinh viên trong công cuộc đổi mới đất nước.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận: Dựa trên chủ nghĩa Mác-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa duy vật biện chứng kết hợp với chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Phương pháp: Kết hợp linh động các phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp tổng kết thực tiễn lịch sử, phương pháp vận dụng lý luận vào thực tiễn.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Ý nghĩa lý luận: Đề tài giúp phân tích được bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam trước khi đổi mới, đưa ra lý do tại sao Đảng và Nhà nước cần thực hiện quyết định đổi mới đất nước. Đồng thời làm rõ nội dung đường lối và chứng minh tính đúng đắn trong quyết định của Đảng.

Ý nghĩa thực tiễn: Đề tài giúp sinh viên và người đọc nói chung nhận thức được tầm quan trọng của mỗi quyết định mà Đảng và Nhà nước thực hiện trong từng thời kỳ của giai đoạn lịch sử đất nước nói chung và quyết định đổi mới đất nước nói riêng. Qua đó người đọc nâng cao ý thức, vai trò trân trọng giữ gìn những thành tựu của đất nước và đóng góp cho Việt Nam ngày càng đổi mới phát triển hơn.

6. Từ viết tắt

CNXH: Chủ nghĩa xã hội

NỘI DUNG

I. Phần lý luận

1. Bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam trước đổi mới

1.1. Giai đoạn 1975-1980

Với Đại thắng mùa Xuân năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, mở ra một kỷ nguyên độc lập, thống nhất đi lên cùng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, đất nước mới chỉ thống nhất về mặt lãnh thổ, còn ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau. Công cuộc xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước chỉ có thể được tiến hành hiệu quả khi đất nước đã thống nhất về mặt Nhà nước. Chính vì vậy từ tháng 2-1976 công tác tuyên truyền đã thực hiện, vận động nhân dân chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Trên tinh thần đó, ngày 24-6-1976, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất và thông qua kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khoá VI, công việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước được hoàn thành, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, đồng thời đáp ứng được những yêu cầu tiên quyết cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam, phát triển sức mạnh toàn diện tập trung cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cho phép hai miền cùng bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm 1976-1980 trên phạm vi toàn quốc.

Trong giai đoạn này, nước ta tập trung giải quyết những hậu quả do chiến tranh để lại, đồng thời thực hiện thống nhất về mọi mặt. Kế hoạch 5 năm 1976-1980 thực hiện với hai mục tiêu chính: xây dựng một bước cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH và bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công – nông nghiệp, cải thiện một bước đời sống vật chất và hàng hoá của nhân dân lao động. Kế hoạch 5 năm lần thứ hai đã đạt được một số thành tựu quan trọng:

Về mặt kinh tế, nông nghiệp có diện tích gieo trồng và năng suất lao động tăng lên, Nhà nước trang bị thêm 18 nghìn máy kéo các loại. Trong công-thương nghiệp, Nhà nước đã quốc hữu hóa và chuyển thành quốc doanh các xí nghiệp

công quản, tư sản mại bản và tư sản lớn đã bị xoá bỏ. Còn với các tư sản nhỏ và vừa thì được cải tạo thành lập các xí nghiệp công tư hợp doanh. Hình thức khoán sản phẩm đến hộ gia đình nông dân được hình thành và nhanh chóng được nhân dân hưởng ứng. Hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán được thành lập và từ từ chiếm lĩnh thị trường.

Về mặt xã hội, văn hoá, y tế, giáo dục Nhà nước đã tăng cường đầu tư nhằm mục tiêu cải thiện đời sống của nhân dân. Tính đến năm 1980, số người đi học trong cả nước xấp xỉ bằng 1/3 số dân, tăng hơn 2 triệu người so với năm học 1976-1977. Các bệnh viện, phòng khám bệnh, trạm y tế, cơ sở điều dưỡng được mở rộng do đó tình hình y tế được cải thiện rõ rệt, đặc biệt ở những vùng mới giải phóng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trở thành phong trào quần chúng trong các địa phương, xí nghiệp, trường học.

Tuy nhiên khi kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ hai, mặc dù với những thành tựu nói trên nhưng tất cả 15 chỉ tiêu chủ yếu đều không đạt kế hoạch. Kết quả sản xuất không tương xứng với sức lao động và vốn đầu tư bỏ ra. Trong kế hoạch 1976 - 1980, tổng sản phẩm xã hội bình quân một năm chỉ tăng 1,4%, thu nhập quốc dân tăng 0,4% nhưng dân số tăng với tốc độ nhanh. Do đó nông nghiệp rơi vào khủng hoảng, công nghiệp trì trệ, nhiều xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ, hàng tiêu dùng thiết yếu thiếu nghiêm trọng, lạm phát luôn ở hai con số... Những hạn chế của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp đã bắt đầu bộc lộ. Đây cũng là căn cứ, tiền đề để Đảng và Nhà nước ta đi đến đường lối đổi mới ở Đại hội lần thứ VI (năm 1986).

1.2. Giai đoạn 1981-1985

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội còn tồn đọng những hạn chế do sai lầm trong kế hoạch 5 năm lần thứ ba, Đảng và Nhà nước nhận thấy cần có những điều chỉnh nhất định trong kế hoạch 5 năm 1981-1985 để cải thiện nền kinh tế và đời sống của quần chúng nhân dân. Trước những thay đổi cục bộ của kế hoạch 5 năm lần thứ ba, bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn này có những biến động như sau:

Về mặt kinh tế: Trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp đã chặn được đà giảm sút và có bước phát triển: sản xuất nông nghiệp bình quân hằng năm là 4,9%, sản xuất công nghiệp bình quân là 9,5%, thu nhập quốc dân bình quân năm là 6,4%. Nhìn chung, các chỉ số đều có dấu hiệu lạc quan hơn so với 5 năm về trước. Hình thức khoán sản phẩm vẫn là động lực thúc đẩy phong trào thi đua phát triển sản xuất. Tuy nhiên, hình thức này cũng đặt ra nhiều vấn đề trong công tác quản lý, củng cố hợp tác xã, chuyên canh, thâm canh và trang bị cơ sở vật chất – kỹ thuật. Nhà nước cũng quyết định điều chỉnh giá, nhằm đưa hệ thống giá cũ, nặng tính bao cấp tiếp cận với giá thị trường. Tuy nhiên cuộc cải cách này không đạt được hiệu quả tích cực mà còn khiến giá thị trường tự do tăng vọt, gây ra mức độ lạm phát ngày càng cao.

Về mặt xã hội: Mặc dù tình hình kinh tế chưa ổn định, tuy nhiên Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến đời sống nhân dân cả mặt vật chất lẫn tinh thần: nhu cầu lương thực của nông thôn được đảm bảo đầy đủ hơn, sự nghiệp văn hoá, y tế, giáo dục tiếp tục phát triển, mở rộng, tình trạng thiếu thuốc được khẩn trương giải quyết,... Đi đôi với việc phấn đấu ổn định và cải thiện đời sống vật chất, việc chú tâm tập trung tổ chức đời sống văn hoá trong các hợp tác xã, địa phương cũng rất được chú trọng. Đồng thời giải quyết được việc làm cho hàng triệu người dân ở thành thị và nông thôn.

Ta thấy kế hoạch 5 năm lần thứ ba của Đảng và Nhà nước đã có những thay đổi đáng ghi nhận. Đó là 5 năm đầy khó khăn, thử thách với bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, ta đã giành được nhiều thành tích trên cả hai nhiệm vụ chiến lược: so với năm 1980, mức sản phẩm đạt được trong năm 1985 (bao gồm lương thực, cây công nghiệp dài ngày,...) tăng từ 1 lần rưỡi đến hai lần; kim ngạch xuất khẩu 5 năm 1981-1985 tăng gấp 2 lần so với giai đoạn 1976-1980, hoàn thành cơ bản về hợp tác xã hoá nông nghiệp trong Nam bộ, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được tiếp tục thiết lập và trên phạm vi cả nước. Đồng thời, đời sống của nhân dân cũng được cải thiện và ổn định hơn so với 5 năm trước.

1.3. Những khó khăn, sai lầm Đảng và Nhà nước mắc phải khi thực hiện các kế hoạch giai đoạn 1976-1985

Trong giai đoạn khi Đảng và Nhà nước thực hiện hai kế hoạch 5 năm, ta có thể thấy bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam đã có nhiều thăng trầm. Thực trạng đó xuất phát từ quan điểm còn có nhiều biểu hiện chủ quan, nóng vội trong đường lối chỉ đạo. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì nước ta cũng gặp rất nhiều khó khăn, thách thức dẫn đến một số khuyết điểm sai lầm:

Nền kinh tế về cơ bản vẫn vận hành theo cơ chế quản lý cũ nên những thay đổi trong kế hoạch 5 năm đã làm bộc lộ rõ hơn những yếu kém của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Tuy nhiên những thay đổi trong kế hoạch chưa đủ sức làm phá vỡ cơ chế này đồng thời cũng chưa có hướng đi hay tạo ra cơ chế mới, do đó sản xuất kinh doanh chưa được hoạt động hiệu quả. Sản xuất tuy có tăng nhưng tăng chậm so với mức độ đầu tư và khả năng sẵn có, không đạt được những chỉ tiêu đã đề ra. Quan hệ sản xuất chưa phù hợp với tính chất của lực lượng sản xuất. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu đồng bộ, phân phối lưu thông rối ren, vật giá leo thang gây ảnh hưởng tiêu cực đến cả sản xuất, đời sống xã hội của người dân. Dù Nhà nước đã có những cuộc cải cách, biện pháp kiềm chế tốc độ lạm phát nhưng lạm phát vẫn diễn ra ở mức trầm trọng gây tác động xấu đến đời sống kinh tế-xã hội. Tài nguyên của nước ta không những chưa được khai thác tốt mà thậm chí còn bị sử dụng một cách lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng. Đời sống của quần chúng nhân dân vẫn còn rất nhiều khó khăn. Một số nhu cầu tối thiểu và chính đáng của người dân về đời sống vật chất và văn hoá vẫn chưa được đảm bảo hết. Đặc biệt, giai đoạn này còn xảy ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Thực trạng trên như đặt nước ta trước ngưỡng cửa của một thời điểm lịch sử mới với những yêu cầu cấp bách. Bởi, bối cảnh kinh tế xã hội khi đó làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân với đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, chính vì vậy đòi hỏi sự cấp thiết của một mô hình mới phù hợp hơn để đưa đất nước khỏi khủng hoảng. Nhận thức được yêu cầu cấp thiết đó, Đảng và

Nhà nước đã quyết định đổi mới đất nước – quyết định được đưa ra tại Đại hội VI (12/1986). Quyết định đó như bước ngoặt đánh dấu mốc lịch sử quan trọng trên con đường đổi mới toàn diện và sâu sắc của nước ta.

2. Đường lối đổi mới của Đại hội VI (12/1986)

Đại hội lần thứ VI mở đầu công cuộc đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (diễn ra từ ngày 15 đến 18/12/1986) đã đánh giá tình hình đất nước, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước trong thập niên đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, từ đó xác định nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng trong thời kì đổi mới xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.1. Nội dung đường lối đổi mới của Đại hội VI

Sau khi đề ra nhiệm vụ cụ thể cho 5 năm 1986-1991: Tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện ba chương trình mục tiêu, bao gồm lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội nhấn mạnh ba chương trình mục tiêu đó là sự cụ thể hoá nội dung, chính sách công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trên chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Để thực hiện được mục tiêu đó, Đại hội đã thông qua đường lối đổi mới toàn diện. Đảng giữ quan điểm: “Đổi mới kinh tế là trọng tâm nhưng đồng thời cũng phải đổi mới cả chính trị và mặt khác của xã hội.”

Về kinh tế, Đại hội đề ra 5 phương hướng để đổi mới: Thứ nhất, bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư. Trong 5 năm phải tập trung thực hiện ba chương trình-mục tiêu. Thứ hai, thực hiện chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế, coi nền kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ. Thứ ba, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Đại hội khẳng định xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Thứ tư, phát huy mạnh mẽ động lực của khoa học-kỹ thuật. Cuối cùng, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Về chính trị, Đại hội khẳng định cần thực hiện các nhiệm vụ: Thứ nhất cần phải cải cách bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước xã hội chủ nghĩa. Xác định mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý thành cơ chế chung trong quản lý xã hội. Xây dựng nhà nước pháp quyền để nhà nước thực sự là của dân, do dân, vì dân; hạn chế được các tình trạng tiêu cực xảy ra trong xã hội. Nhà nước quản lý mặt vĩ mô, quyền tự quyết về sản xuất, kinh doanh thuộc về các đơn vị kinh tế. Thứ hai, phải chăm lo cho đời sống của nhân dân, lợi ích kinh tế của người lao động, phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân. Khẩu hiệu “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được thực hiện có nề nếp để nâng cao quan điểm tất cả vì nhân dân, do nhân dân. Thứ ba, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng với 6 yêu cầu: Đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng với mỗi đảng viên; đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý; đổi mới phong cách làm việc, mở rộng dân chủ, khuyến khích sự năng động trên cơ sở nguyên tắc, đường lối của Đảng; nâng cao chất lượng đảng viên; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở; tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng.

Về ngoại giao, thực hiện chính sách đa dạng, đa phương hoá quan hệ đối ngoại, thực hiện chính sách mở cửa quan hệ quốc tế với tất cả các nước trên nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình, trong đó chú ý tăng cường hợp tác với Liên Xô, bình thường hoá với Trung Quốc...

Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, chỉ đạo đổi mới toàn diện, thể hiện qua nội dung các Hội nghị Trung ương: *Hội nghị Trung ương 2 (4/1987)* chủ trương một số biện pháp cấp bách về phân phối lưu thông. *Quyết định số 217-HĐBT (14/11/1987)* trao quyền tự chủ cho các doanh nghiệp. *Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (4/1988)*- *Khoán 10* người nông dân được nhận khoán và canh tác trên diện tích ổn định 15 năm, bảo đảm thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên. *Lệnh Đầu tư nước ngoài* được thông qua và có hiệu lực từ 1/1/1988. Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế, nâng cao vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc doanh. *Hội nghị Trung ương 6 (3/1989)* đề ra

những chủ trương cụ thể và xác định nguyên tắc chỉ đạo trong công cuộc đổi mới. *Hội nghị Trung ương 8 (3/1990)* phân tích tình hình trong và ngoài nước, nhận thức những nguyên nhân của khủng hoảng ở Liên Xô, XHCN Đông Âu để tránh mắc phải. Cũng từ những năm 1990, Đảng và Nhà nước có chủ trương đổi mới đối ngoại, “thêm bạn, bớt thù”.

2.2. Kết quả, ý nghĩa của việc thực hiện quyết định đổi mới

2.2.1. Kết quả

Đường lối đổi mới đất nước do Đại hội toàn quốc lần thứ VI do Đảng đề ra đã thực sự đi vào trong cuộc sống và đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Chế độ tập trung, bao cấp được xoá bỏ, nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bước đầu hình thành, tạo ra động lực mạnh mẽ, giải phóng mọi năng lực sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học-kỹ thuật, phát triển kinh tế hàng hoá theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao. Lạm phát năm 1991 giảm còn 67,1% so với năm 1986 với mức lạm phát 774,7%. Cuối năm 1988, chế độ phân phối theo tem phiếu đã được xoá bỏ. Lương thực đã đáp ứng được nhu cầu, có dự trữ và xuất khẩu. Hàng tiêu dùng trở lên đa dạng hơn, lưu thông tương đối thuận lợi. Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy. Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được bảo đảm. Từng bước phá thế bao vây về kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

2.2.2. Ý nghĩa

Những thành tựu, tiến bộ nói trên chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là bước đi đúng đắn, cần thiết trong bối cảnh nước ta lúc bấy giờ. Trước những khó khăn, thách thức của thời đại, Đại hội Đảng VI nói chung và quyết định đổi mới đất nước của Đảng nói riêng đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật và thừa nhận sai lầm, khuyết điểm mà Đảng đã mắc phải. Qua đó, thể hiện quyết tâm đổi

mới với tinh thần cách mạng và khoa học. Đại hội đã đề ra một đường lối đổi mới đồng bộ và triệt để ở tất cả các lĩnh vực. Quyết định đổi mới của Đảng đã góp phần giúp đất nước bước dần ra khỏi cuộc khủng hoảng, là tiền đề cho các quyết định đổi mới, phát triển đất nước sau này.

II. Phần liên hệ thực tiễn

1. Liên hệ chung tới thế hệ thanh niên, sinh viên Việt Nam

Từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986), công cuộc đổi mới của đất nước ta đã trải qua 35 năm và hiện nay quá trình đó vẫn đang được tiếp tục thực hiện. Công cuộc đổi mới của Đảng khởi xướng và lãnh đạo đã và đang không ngừng đạt được những thành tựu to lớn. Để đạt được những thành tựu như ngày hôm nay, ta càng thấy rõ hơn tầm quan trọng của Đảng và Nhà nước khi đề ra quyết định đổi mới đất nước của Đại hội VI là vô cùng chính xác, mang ý nghĩa định hướng cho cách mạng và sự phát triển của Việt Nam nói chung. Tuy nhiên trong những năm tới thì thách thức, khó khăn đặt ra vẫn vô cùng lớn. Không chỉ Đảng và Nhà nước có vai trò, trách nhiệm trong công cuộc đổi mới mà nhân dân Việt Nam nói chung và đặc biệt là bộ phận thanh niên, sinh viên nói riêng cũng luôn cần có những đóng góp để ngày càng đổi mới, phát triển đất nước hơn.

Đảng đặt niềm tin sâu sắc, coi trọng vai trò, tiềm năng của thanh niên, sinh viên trong sự nghiệp đổi mới của đất nước: “Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, là rường cột của nước nhà, một trong những nhân tố rất quan trọng quyết định đến tương lai, vận mệnh của dân tộc, của đất nước.” Vì vậy, để xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng đó và có thể tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, ngày càng góp phần giúp “đất nước có thể sánh vai với cường quốc năm châu”, thanh niên Việt Nam nói chung và sinh viên nói riêng cần:

Thứ nhất, luôn tự giác nỗ lực học tập và rèn luyện nâng cao kiến thức và kỹ năng của bản thân. Tri thức là sức mạnh, là động lực của sự phát triển. Để có thể tự tin giúp đất nước từng bước đổi mới trong thời đại hội nhập quốc tế ngày nay thì kiến thức và kỹ năng là hành trang không thể thiếu chính. Không chỉ trau

đòi, rèn luyện trên trường lớp mà sinh viên còn phải học tập ở cả trong thực tiễn đời sống, tích cực tìm tòi trong sách báo, hiểu rõ thế sự trong nước và thế giới.

Thứ hai, cần nâng cao bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức, tự giác ngộ về đặc điểm và sứ mệnh của mình ngày nay; tiếp tục học tập và làm theo tấm gương Hồ Chí Minh, kế thừa, vận dụng và phát huy những giá trị tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống. Mỗi sinh viên cũng cần có lý tưởng sống cao đẹp, tránh tư tưởng lệch lạc, tin tưởng đi theo sự chỉ dẫn của Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thứ ba, tích cực tìm hiểu về truyền thống của Đảng, nắm được những chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng để có suy nghĩ và hành động đúng đắn. phấn đấu trở thành những đoàn viên, đảng viên ưu tú, hoàn thiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng.

Thứ tư, việc học phải đi đôi với hành, ngoài việc tiếp thu lý luận ta còn phải thể hiện ở hành động, sự vận dụng nó vào thực tiễn. Để góp phần xây dựng Đảng thêm vững mạnh, đưa đường lối của Đảng tiếp cận tới mọi nhân dân, sinh viên cần chủ động, tích cực tham gia công tác truyền thông, giác dục về tư tưởng ở địa phương, hăng hái trong các phong trào hoạt động của Đoàn trường, Hội Sinh viên, Hội Thanh niên,...

Thứ năm, chủ động hội nhập quốc tế, thích ứng với cơ chế thị trường, giao lưu, duy trì tình hữu nghị với bạn bè quốc tế. “Hội nhập nhưng không hòa tan”, mỗi người cần có lập trường vững vàng, không quá đề cao những thành tựu của nước họ mà có suy nghĩ lệch lạc đi so sánh quan điểm, tư tưởng của nước khác với nước mình.

Thứ sáu, đấu tranh với những thủ đoạn của các thế lực chống phá Đảng và Nhà nước. Sử dụng mạng xã hội với mục đích đúng đắn, không tin theo những luận điệu xảo trá, có ý xuyên tạc, bôi nhọ danh dự và uy tín của những cán bộ đảng viên; cần nâng cao cảnh giác, có sự nhìn nhận sâu sắc, không đánh giá một

cách chủ quan, khi phát hiện âm mưu quấy phá Đảng, chủ nghĩa xã hội cần báo ngay với chính quyền có thẩm quyền.

2. Liên hệ bản thân

Đặc biệt, là một sinh viên Học Viện Ngân Hàng, em nhận thấy không chỉ Đảng và Nhà nước có vai trò, trách nhiệm trong việc xây dựng đổi mới đất nước mà ngay bản thân các sinh viên chúng em khi còn học tập ở trường cũng phải nỗ lực không ngừng, ham học hỏi để nâng cao trình độ cũng như hoàn thiện bản thân hơn. Những kiến thức được học tại trường, đặc biệt là môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam và các môn học khác của Khoa Lý luận chính trị - Học viện Ngân hàng sẽ là nền tảng vững chắc để chúng em có thể tự tin với lượng kiến thức cần thiết và cần phải biết để có thể góp phần xây dựng kiến thức trong tương lai. Việc tự ý thức trau dồi kiến thức đi đôi với các hoạt động thực hành sẽ góp phần tạo nên một thế hệ lao động trẻ năng động, tích cực, sẵn sàng đối mặt với những thử thách của thời đại.

KẾT LUẬN

Đề tài này đã giúp cho sinh viên và người đọc có cái nhìn sâu sắc hơn về quyết định đổi mới đất nước của Đảng tại Đại hội Đảng lần thứ VI. Bối cảnh Việt Nam trước thời kỳ đổi mới đứng trước ngưỡng cửa “sống còn”, ranh giới vô cùng mong trước tình hình tụt hậu, khủng hoảng kinh tế-xã hội. Từ đó cho thấy tính cấp thiết của quyết định đối với vận mệnh đất nước. Đảng và Nhà nước đã nhìn nhận ra sai lầm, hạn chế của giai đoạn trước để mau chóng sửa đổi, đưa ra phương hướng đổi mới toàn diện. Sau khi nghiên cứu, ta có thể khẳng định quyết định đổi mới đất nước là một quyết định đúng đắn, chính xác của Đảng trong cách mạng Việt Nam. Cũng chính nhờ “bước ngoặt lịch sử” đó mà đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đáng ghi nhận. Dẫu vẫn còn những khuyết điểm, hạn chế song đó cũng là bước tiền đề trong cả công trình đổi mới vĩ đại của nhân dân ta. Đồng thời, đề tài giúp người đọc nói chung và sinh viên nói riêng hiểu được vai trò quan trọng của Đảng, Nhà nước và qua đó cũng nâng cao nhận thức, trách nhiệm của bản thân, đóng góp cho công cuộc xây dựng nước nhà và đổi mới đất nước. Để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thành công, không chỉ cần có vai trò lãnh đạo và sự nỗ lực của Nhà nước, Đảng mà còn là trách nhiệm của toàn dân, của bản thân mỗi công dân. Việt Nam muốn đổi mới đất nước thành công thì mỗi công dân Việt Nam đứng trước cánh cửa hội nhập quốc tế, sống trong thời đại Cách mạng 4.0 cần nỗ lực phát triển toàn diện bản thân, nâng cao kiến thức và kỹ năng đặc biệt là trình độ về khoa học, công nghệ; nâng cao bản lĩnh chính trị, có lập trường vững vàng và tin tưởng vào những chủ trương, đường lối của Đảng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ĐCSVN: Nghị quyết hội nghị Trung ương 7, khóa X, Nxb Chính trị quốc gia, năm 2008, trang 7
2. Khoa Lý luận chính trị, Học Viện Ngân Hàng, Bài tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
3. Phạm Văn Chiến, Lịch sử kinh tế Việt Nam, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.2003.
4. Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn 2003, Chương VIII và chương X – Đất nước trên con đường đổi mới (1986-2000), Đại Cương Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, Giáo Dục